

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Đính kèm Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)				Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Chênh lệch tăng (+), giảm (-)				Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:								
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27				
	TỔNG SỐ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B+C)				1.605.304	572.997	1.032.307		1.358.506	488.243	870.263	352.107	223.366	128.741	173.805	89.948	83.857	352.107	223.366	128.741		-40.597	40.597	93						
A	DỰ PHÒNG CHUNG											4.881		4.881				44.253	31.247	13.006	39.372		39.372							
B	PHÂN BỐ THEO NGÀNH LĨNH VỰC (I+II+III)				1.605.304	572.997	1.032.307		1.358.506	488.243	870.263	326.935	221.895	105.040	167.308	89.081	78.227	287.563	190.648	96.915	-39.372	-40.597	1.225	93						
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				124.653	27.746	96.907		133.087	33.887	99.200	11.639	11.425	214	11.638	11.425	213	11.639	11.425	214				6						
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				1.480.651	545.251	935.400		1.225.419	454.356	771.063	315.296	210.470	104.826	155.670	77.656	78.014	275.924	179.223	96.701	-39.372	-40.597	1.225	87						
C	Bố trí thực hiện các nhiệm vụ khác											20.291	1.471	18.820	6.497	867	5.630	20.291	1.471	18.820										
1	Chỉ phí thẩm tra quyết toán và hoàn thành sau quyết toán											3.025	1.471	1.554	867	867		3.025	1.471	1.554										
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí do đặc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)											17.266		17.266	5.630	5.630		17.266		17.266										
	TỔNG CỘNG:				1.605.304	572.997	1.032.307		1.358.506	488.243	870.263	352.107	223.366	128.741	173.805	89.948	83.857	312.735	192.119	120.616	-39.372	-40.597	1.225	93						
A.1	DỰ PHÒNG CHUNG											4.881		4.881				4.881		4.881										
B.1	PHÂN BỐ THEO NGÀNH LĨNH VỰC (I+...VII)				1.605.304	572.997	1.032.307		1.358.506	488.243	870.263	326.935	221.895	105.040	167.308	89.081	78.227	287.563	190.648	96.915	-39.372	-40.597	1.225	93						
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				1.041.894	281.935	759.959		801.021	195.870	605.151	95.118	73.149	21.969	50.498	41.544	8.954	76.465	63.139	13.326	-18.653	-19.878	1.225	44						
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				30.600	7.478	23.122		34.764	8.087	26.677	12	12		12	12		12	12				1							
1	Trường THCS Quân Cơ Thành	BH	2016-2021	09/QĐ-UBND ngày 03/01/2017	30.600	7.478	23.122	296/QĐ-UBND 12/02/2020	34.764	8.087	26.677	12	12		12	12		12	12				1							
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				1.011.294	274.457	736.837		766.257	187.783	578.474	95.106	73.137	21.969	50.486	41.532	8.954	76.453	63.127	13.326	-18.653	-19.878	1.225	43						
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				578.771	154.014	424.757		553.206	135.325	417.881	69.380	55.550	13.830	42.967	37.038	5.929	58.343	50.857	7.486	-11.037	-11.037		33						
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				578.771	154.014	424.757		553.206	135.325	417.881	69.380	55.550	13.830	42.967	37.038	5.929	58.343	50.857	7.486	-11.037	-11.037		33						
	Đề án trường chuẩn quốc gia				578.771	154.014	424.757		553.206	135.325	417.881	69.380	55.550	13.830	42.967	37.038	5.929	58.343	50.857	7.486	-11.037	-11.037		33						
1	Trường TH A Hòa Bình Thanh điểm phụ (ấp Hòa Thuận)	HBHT	2021-2023	562/QĐ-UBND 19/3/2021	3.228	763	2.465	392/QĐ-SXD 12/10/2021	2.942	517	2.425	321	321		311	311		321	321				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành						

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
2	Trường MG Vĩnh Hạnh điểm phụ (Vĩnh Lợi)	VH	2021-2023	1732/QĐ-UBND 27/7/2021	5.893	1.283	4.610	473/QĐ-SXD 15/11/2021	5.587	1.003	4.584	565	565		565	565		565	565					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường MG Vĩnh Hạnh điểm phụ (Vĩnh Phúc)	VH	2021-2023	1833/QĐ-UBND 04/8/2021	6.457	1.618	4.839	472/QĐ-SXD 15/11/2021	5.235	1.181	4.054	525	525		525	525		525	525					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
4	Trường MG Hòa Bình Thạnh điểm chính (ấp Hoà Thạnh)	HBT	2021-2023	1323/QĐ-UBND 18/06/2021	29.265	7.034	22.231	2098/QĐ-UBND 10/9/2021	27.600	6.614	20.986	2.320	1.944	376	2.232	1.856	376	2.320	1.944	376				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Trường MG Hòa Bình Thạnh điểm phụ (Hòa Hưng)	HBT	2021-2023	935/QĐ-UBND 06/05/2021	6.001	1.923	4.078	451/QĐ-SXD 12/11/2021	5.775	1.774	4.001	626	626		566	566		626	626					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
6	Trường MG Hòa Bình Thạnh điểm phụ (Hòa Thịnh)	HBT	2021-2023	1093/QĐ-UBND 25/05/2021	4.883	1.208	3.675	450/QĐ-SXD 12/11/2021	4.540	941	3.599	420	420		418	418		420	420					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Trường TH A Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hoà Thạnh)	HBT	CBDT 2021; THĐT 2022-2025	1338/QĐ-UBND 21/06/2021	39.881	10.173	29.708	2738/QĐ-UBND 17/11/2021; 541/QĐ-UBND 29/3/2024	38.682	9.396	29.286	5.094	5.094		4.911	4.911		5.094	5.094					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Trường TH B Bình Thạnh điểm phụ (Thanh Phú)	BT	2021-2023	1860/QĐ-UBND 09/8/2021	9.802	2.162	7.640	475/QĐ-SXD 15/11/2021	9.171	1.964	7.207	917	917		824	824		917	917					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
9	Trường TH A Vĩnh An điểm phụ 1 (Vĩnh Quới-TL 941)	VA	2021-2023	1618/QĐ-UBND 14/7/2021	4.663	1.054	3.609	452/QĐ-SXD 12/11/2021	4.346	843	3.503	470	470		465	465		470	470					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
10	Trường TH A Vĩnh An điểm phụ 2 (Vĩnh Quới- Đình Sơn Trung)	VA	2021-2023	1834/QĐ-UBND 04/8/2021	4.366	1.093	3.273	453/QĐ-SXD 12/11/2021	3.917	735	3.182	462	462		448	448		462	462					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
11	Trường MG Vĩnh Hạnh điểm phụ (Vĩnh Hòa)	VH	2021-2023	1986/QĐ-UBND 26/8/2021	3.108	1.007	2.101	474/QĐ-SXD 15/11/2021	2.855	785	2.070	401	401		354	354		401	401					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
12	Trường TH C Vĩnh Hạnh điểm phụ (Vĩnh Lợi)	VH	2021-2023	2018/QĐ-UBND 31/8/2021	4.078	786	3.292	302/QĐ-SXD 10/8/2022	3.809	699	3.110	351	351		346	346		351	351					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
13	Trường MG Tân Phú điểm phụ (Tân Thành)	TP	CBDT 2021; THĐT 2022-2025	1885/QĐ-UBND 13/8/2021;	5.101	1.197	3.904	333/QĐ-SXD 29/8/2022; 1116/V PUB ND-KGVX 04/03/2025	4.580	951	3.629	700	700		432	432		700	700					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
14	Trường MG Tân Phú điểm phụ (Tân Thành)	TP	2021-2024	2069/QĐ-UBND 08/9/2021	4.839	1.234	3.605	175/QĐ-SXD 14/4/2023; 40/QĐ-SXD 23/01/2024	3.830	777	3.053	441	441		417	417		441	441					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
15	Trường TH A Tân Phú điểm phụ (Tân Thành)	TP	2021-2023	1987/QĐ-UBND 26/8/2021	3.212	689	2.523	199/QĐ-SXD 08/5/2023	3.052	535	2.517	340	340		298	298		340	340					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
16	Trường TH Vĩnh Lợi điểm phụ (Hòa Lợi 3)	VL	2021-2024	2078/QĐ-UBND 08/9/2021	1.847	439	1.408	180/QĐ-SXD 18/4/2023; 17/QĐ-SXD 10/01/2024	1.580	308	1.272	180	180		154	154		180	180					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
17	Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)	TP	2023-2026	2342/QĐ-UBND 12/10/2021	25.648	7.280	18.368	63/QĐ-UBND 05/01/2024; 772/QĐ-UBND 13/5/2024	25.382	7.325	18.057	3.434	2.000	1.434	2.462	1.373	1.089	3.434	2.000	1.434				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
18	Trường TH B Bình Thạnh điểm phụ (Thành Hưng)	BT	2021-2023	2341/QĐ-UBND 12/10/2021	5.530	2.267	3.263	476/QĐ-SXD 15/11/2021; 485/QĐ-SXD 17/11/2022	4.680	1.939	2.741	363	363		242	242		363	363					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
19	Trường MG Vĩnh Lợi	VL	2022-2024	2343/QĐ-UBND 12/10/2021	19.099	4.835	14.264	1675/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	18.875	4.614	14.261	1.701	1.701		1.701	1.701		1.701	1.701					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
20	Trường TH B Vĩnh An (Vĩnh Thành)	VA	2021-2024	2340/QĐ-UBND 12/10/2021	22.558	5.664	16.894	2739/QĐ-UBND 17/11/2021; 2425/QĐ-UBND 08/10/2022; 2076/QĐ-UBND 21/12/2023	22.448	5.554	16.894	1.853	1.853		1.660	1.660		1.853	1.853					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
21	Trường MG Vĩnh Hạnh điểm chính (Vĩnh Thuận)	VH	2021-2023	2525/QĐ-UBND 01/11/2021	39.519	11.188	28.331	958/QĐ-UBND ngày 11/5/2022	39.200	10.881	28.319	5.434	5.434		4.059	4.059		5.434	5.434					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
22	Trường TH A Vĩnh Hạnh (Vĩnh Thuận)	VH	2021-2023	2646/QĐ-UBND 10/11/2021	30.291	6.688	23.603	2188/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	30.253	6.650	23.603	3.674	3.674		2.563	2.563		3.674	3.674					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
23	Trường TH C Vĩnh Hạnh điểm chính (Vĩnh Lợi)	VH	2021-2024	2645/QĐ-UBND 10/11/2021	22.522	5.546	16.976	1719/QĐ-UBND ngày 06/7/2022; 140/QĐ-UBND ngày 17/01/2024	22.331	5.356	16.975	2.118	2.118		1.878	1.878		2.118	2.118					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
24	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP	2023-2025	2641/QĐ-UBND 10/11/2021	27.030	6.741	20.289	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024	26.860	6.582	20.278	3.283	2.600	683	1.400	1.400		2.435	2.435		-848	-848		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
25	Trường MG Bình Thuận	BT	2022-2025	2597/QĐ-UBND 08/11/2021; 3215/QĐ-UBND 30/12/2022	35.086	7.829	27.257	651/QĐ-UBND 15/5/2023 954/QĐ-UBND 11/6/2024	34.464	7.566	26.898	3.071	3.071		1.675	1.675		2.224	2.224		-847	-847		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
26	Trường TH B Bình Thạnh điểm chính (Thành Hòa)	BT	2022-2024	2533/QĐ-UBND 02/11/2021	33.324	7.873	25.451	617/QĐ-UBND 09/5/2023 1508/QĐ-UBND 19/9/2023	32.858	7.410	25.448	3.241	2.600	641	2.140	1.499	641	2.890	2.249	641	-351	-351		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
27	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL	2023-2026	2642/QĐ-UBND 10/11/2021	41.818	11.279	30.539	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024	41.122	11.180	29.942	5.623	4.500	1.123	1.642	1.642		3.101	3.101		-2522	-2522		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
28	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA	2023-2026	2598/QĐ-UBND 08/11/2021	38.160	9.378	28.782	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024	37.735	9.476	28.259	4.395	3.891	504	2.610	2.610		3.944	3.891	53	-451	-451		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
29	XD 04 phòng học tiến chế trường THCS An Châu	AC	2022-2023	358/QĐ-UBND 07/12/2021	1.196	1.196		15/QĐ-UBND 26/01/2022	1.159	1.159		1.120		1.120	1.112		1.112	1.120		1.120				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
30	Nâng cấp, cải tạo các hạng mục phụ trường THCS Quín Cơ Thành	BH	2022-2023	357/QĐ-UBND 02/12/2021	850	850		72/QĐ-UBND 17/5/2022	653	653		603		603	598		598	603		603				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
31	Cải tạo nhà trẻ Hoa Hồng thành thư viện + phòng truyền thống	AC	2022-2023	346/QĐ-UBND 01/12/2021	2.152	2.152		41/QĐ-UBND 13/3/2022	2.101	2.101		2.000		2.000	1.982		1.982	2.000		2.000				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
32	Trường TH B Bình Hoà điểm chính (ấp Bình Phú 1)	BH	2023-2025	429/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.167	3.167		429/QĐ-UBND 24/11/2023				3.059	1.800	1.259	130		130	3.059	1.800	1.259				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
33	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Châu Thành	Các xã	CBĐT 2022-2023; THĐT 2024-2026	Nghị quyết 04/NQ-HĐND 14/04/2022	94.197	26.418	67.779	1078/QĐ-UBND 07/7/2023	85.584	17.856	67.728	10.275	6.188	4.087	1.845	1.845		4.257	4.257		-6.018	-6.018		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành		
b. Dự án hoàn thành sau năm 2025						432.523	120.443	312.080		213.051	52.458	160.593	25.726	17.587	8.139	7.519	4.494	3.025	18.110	12.270	5.840	-7.616	-8.841	1.225	10		
Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư						432.523	120.443	312.080		213.051	52.458	160.593	25.726	17.587	8.139	7.519	4.494	3.025	18.110	12.270	5.840	-7.616	-8.841	1.225	10		
Để án trường chuẩn quốc gia						432.523	120.443	312.080		213.051	52.458	160.593	25.726	17.587	8.139	7.519	4.494	3.025	18.110	12.270	5.840	-7.616	-8.841	1.225	10		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	ĐTTT	SDD	Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác					ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	Trường TH A An Châu	AC	2024-2027	Nghị quyết 04/NQ-HĐND 14/04/2022	71.516	22.825	48.691					500		500				200		200	-300	-300		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm phụ (Hòa Hưng)	HBT	2024-2026	1175/QĐ-UBND 01/06/2021; 344/QĐ-UBND 25/02/2022	8.995	1.824	7.171					824	824					500	500		-324	-324		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường THCS Vĩnh Hạnh	VH	2024-2026	2598/QĐ-UBND 08/11/2021	44.268	12.054	32.214	2309/QĐ-UBND 15/9/2022	44.256	12.051	32.205	4.889	3.500	1.389	2.117	1.447	670	2.417	1.747	670	-2.472	-2.472		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
4	Trường THCS Tân Phú	TP	2024-2026	2691/QĐ-UBND 12/11/2021	32.945	7.323	25.622					2.118	1.800	318				370	370		-1.748	-1.748		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	HBT	2023-2026	Nghị quyết 04/NQ-HĐND 14/04/2022	54.209	13.328	40.881	2697/QĐ-UBND 08/11/2022	53.348	12.493	40.855	4.619	1.963	2.656	2.848	1.218	1.630	4.619	1.963	2.656				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
6	Trường THCS Bình Thạnh	BT	2024-2026	2600/QĐ-UBND 08/11/2021	42.419	10.460	31.959	3128/QĐ-UBND 26/12/2022	42.361	10.405	31.956	3.000	2.000	1.000	725		725	4.225	3.000	1.225	1.225		1.225	1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL	2024-2026	3008/QĐ-UBND 16/12/2021	25.213	5.744	19.469	474/QĐ-UBND 13/4/2023	25.101	5.640	19.461	2.480	1.400	1.080	839	839		1.714	1.400	314	-766	-766		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Trường THCS Vĩnh An	VA	2024-2026	2704/QĐ-UBND 15/11/2021	30.811	7.476	23.335	715/QĐ-UBND 24/5/2023	30.051	6.716	23.335	2.296	1.600	696	500	500		2.075	1.600	475	-221	-221		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
9	Trường THCS An Châu	AC	2023-2026	Nghị quyết 04/NQ-HĐND 14/04/2022	103.331	31.595	71.736					500		500				300		300	-200	-200		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
10	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2021-2025	CT	2023-2026	43/NQ-HĐND 08/12/2021	18.816	7.814	11.002	145/QĐ-UBND 13/02/2023	17.934	5.153	12.781	4.500	4.500		490	490		1.690	1.690		-2.810	-2.810		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				815	815			799	799		730		730	727		727	730		730				1		
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																									
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				815	815			799	799		730		730	727		727	730		730				1		
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				815	815			799	799		730		730	727		727	730		730				1		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác						ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				815	815			799	799		730		730	727		727	730		730					1	
	Trạm Y tế xã				815	815			799	799		730		730	727		727	730		730					1	
1	Xây dựng hội trường trạm y tế xã Vĩnh Lợi	VL	2022-2023	359/QĐ-UBND 07/12/2021	815	815		14/QĐ-UBND 26/01/2022	799	799		730		730	727		727	730		730					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
III	VĂN HÓA, THÔNG TIN				90.724	39.300	51.424		87.953	37.452	50.501	26.625	8.579	18.046	26.181	8.318	17.863	26.625	8.579	18.046					9	
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																									
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				90.724	39.300	51.424		87.953	37.452	50.501	26.625	8.579	18.046	26.181	8.318	17.863	26.625	8.579	18.046					9	
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				90.724	39.300	51.424		87.953	37.452	50.501	26.625	8.579	18.046	26.181	8.318	17.863	26.625	8.579	18.046					9	
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				90.724	39.300	51.424		87.953	37.452	50.501	26.625	8.579	18.046	26.181	8.318	17.863	26.625	8.579	18.046					9	
1	Trung tâm Văn hóa, Thể thao huyện Châu Thành	CT	2021-2024	497/QĐ-UBND 11/3/2021	36.965	15.709	21.256	2743/QĐ-UBND 17/11/2021; 1022/QĐ-UBND 29/06/2023	36.906	15.719	21.187	9.007	7.655	1.352	8.801	7.452	1.349	9.007	7.655	1.352					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2	Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã:				45.693	21.823	23.870		43.372	20.272	23.100	16.694		16.694	16.514		16.514	16.694		16.694					7	
2.1	Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã Hòa Bình Thạnh	CT	2021-2023	1938/QĐ-UBND 19/8/2021	5.587	1.602	3.985	471/QĐ-SXD 15/11/2021	5.405	1.421	3.984	986		986	986		986	986		986					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2.2	Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã Vĩnh Hạnh huyện Châu Thành	CT	2021-2023	1819/QĐ-UBND 04/8/2021	5.585	1.602	3.983	448/QĐ-SXD 12/11/2021	5.444	1.468	3.976	1.034		1.034	1.009		1.009	1.034		1.034					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2.3	Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã Vĩnh An huyện Châu Thành	CT	2021-2023	1714/QĐ-UBND 26/7/2021	5.729	1.732	3.997	447/QĐ-SXD 12/11/2021	5.226	1.427	3.799	999		999	966		966	999		999					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2.4	Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã Vĩnh Lợi huyện Châu Thành	CT	2022-2024	1818/QĐ-UBND 04/8/2021	5.592	1.603	3.989	207/QĐ-SXD 12/5/2023	5.397	1.410	3.987	1.065		1.065	1.028		1.028	1.065		1.065					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2.5	Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã Tân Phú huyện Châu Thành	CT	2022-2024	1715/QĐ-UBND 26/7/2021	5.596	1.672	3.924	415/QĐ-SXD 18/10/2022	5.354	1.443	3.911	890		890	890		890	890		890					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2.6	Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã Bình Thạnh huyện Châu Thành	CT	2021-2023	2461/QĐ-UBND 26/10/2021	5.597	1.605	3.992	449/QĐ-SXD 12/11/2021	4.682	1.239	3.443	890		890	866		866	890		890					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
2.7	SLMB trung tâm văn hoá, thể thao xã (Vĩnh An - Tân Phú - Vĩnh Lợi- Vĩnh Hạnh)	CVA-TP-VL-VH	2021-2023	345/QĐ-UBND 01/12/2021	12.007	12.007		13/QĐ-UBND 06/01/2022	11.864	11.864		10.830		10.830	10.769		10.769	10.830		10.830					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành
3	Bảo quản, Tu bổ, phục hồi di tích lịch sử-văn hóa xếp hạng cấp tỉnh (KH 780)				8.066	1.768	6.298		7.675	1.461	6.214	924	924		866	866		924	924						1	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)				Lấy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Chênh lệch tăng (+), giảm (-)				Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:								
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27				
3.1	Cải tạo Đình Bình Phú, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành	CT	2021-2023	2761/QĐ-UBND 17/11/2021	8.066	1.768	6.298	2657/QĐ-UBND 31/10/2022	7.675	1.461	6.214	924	924		866	866		924	924						1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành				
IV	THỀ DỤC THỂ THAO				40.370	9.670	30.700		40.370	9.670	30.700	9.273	9.059	214	9.271	9.058	213	9.273	9.059	214					2					
	1. Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025				40.370	9.670	30.700		40.370	9.670	30.700	9.273	9.059	214	9.271	9.058	213	9.273	9.059	214					2					
1	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành		2020-2021	2699/QĐ-UBND 19/11/2020	39.732	9.432	30.300	810/QĐ-UBND 10/04/2019	39.732	9.432	30.300	9.059	9.059		9.058	9.058		9.059	9.059						1	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch				
2	Xây dựng mới sân bóng đá mini xã An Hòa		2019-2021	2541/QĐ-UBND 02/11/2021	638	238	400	335A1/QĐ-UBND 18/11/2021	638	238	400	214		214	213		213	214		214					1	Ủy ban nhân dân xã An Hòa				
V	HOẠT ĐỘNG KINH TẾ				388.867	206.035	182.832		391.260	214.690	176.570	172.347	118.487	53.860	63.031	22.097	40.934	151.628	97.250	54.378	-20.719	-20.719			24					
V.1	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				2.958	2.958			2.958	2.958		2.958	2.958		1.105	1.105		2.958	2.958						2					
1	Gia cố sát lộ 6 Nam kênh Trà Cú (đoạn đất ông Nguyễn Văn Thành)	BH	2024-2025	147/QĐ-UBND 9/9/2024	1.239	1.239		148A/QĐ-UBND 13/9/2024	1.239	1.239		1.239	1.239		1.105	1.105		1.239	1.239						1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành				
2	Gia cố sát lộ kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Đoạn chừa Khe Me Vĩnh Thành)	VT	2025	22/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.719	1.719		48A/QĐ-UBND 25/2/2025	1.719	1.719		1.719	1.719					1.719	1.719						1	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	Vốn tính bổ sung có mục tiêu năm 2024			
V.2	GIAO THÔNG				385.909	203.077	182.832		383.632	207.062	176.570	168.189	114.329	53.860	60.726	19.792	40.934	147.470	93.092	54.378	-20.719	-20.719			21					
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025				53.683	10.598	43.085		53.283	11.460	41.823	1.154	1.154		1.154	1.154		1.154	1.154						2					
1	Tuyến giao thông nông thôn Vĩnh Lợi - Vĩnh Nhuận - Tân Phú	CT	2016-2021	139/QĐ-UBT 22/01/2016; 2234/QĐ-UBND 21/9/2020	43.985	8.915	35.070	3025/QĐ-UBND 31/10/2016; 44/QĐ-UBND 11/01/2021	43.985	8.915	35.070	1.036	1.036		1.036	1.036		1.036	1.036							1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành			
2	Tuyến đường GTNT An Hoà - Cẩm Đăng	CT	2019-2021	3194/QĐ-UBND 26/10/2017	9.698	1.683	8.015	498/QĐ-UBND 31/10/2017	9.298	2.545	6.753	118	118		118	118		118	118						1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành				
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				332.226	192.479	139.747		330.349	195.602	134.747	167.035	113.175	53.860	59.572	18.637	40.934	146.316	91.938	54.378	-20.719	-20.719			19					
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				332.226	192.479	139.747		330.349	195.602	134.747	167.035	113.175	53.860	59.572	18.637	40.934	146.316	91.938	54.378	-20.719	-20.719			19					
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				332.226	192.479	139.747		330.349	195.602	134.747	167.035	113.175	53.860	59.572	18.637	40.934	146.316	91.938	54.378	-20.719	-20.719			19					
1	Tuyến DH.11 (cầu Chợ Vàm Kinh-cầu Kênh Đứng)	CT	2021-2023	1864/QĐ-UBND 09/8/2021	14.203	6.046	8.157	649/QĐ-SGTVT 01/11/2021	14.187	6.030	8.157	4.216		4.216	4.190		4.190	4.216		4.216						1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành			
2	Tuyến DH.06 (Mỹ Khánh-ranh Trĩ Tôn)	CT	CBĐT 2021; THĐT 2022-2025	1865/QĐ-UBND 09/8/2021	45.328	20.980	24.348	2719/QĐ-UBND 17/11/2021; 536/QĐ-UBND 14/04/2025	45.274	20.926	24.348	19.970	13.100	6.870	10.795	4.621	6.174	15.147	4.621	10.526	-4.823	-4.823				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Lấy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
3	Tuyến ĐH.03 (cầu Trà Can-Bình Chánh)	CT	CBDT 2021-2022; THDT 2023-2025	1866/QĐ-UBND 09/8/2021	21.995	9.134	12.861	300/QĐ-UBND 15/3/2023; 7162/VPUB ND-KTN 31/12/2024	21.986	9.125	12.861	9.125	7.508	1.617	4.442	2.925	1.517	7.517	6.000	1.517	-1.608	-1.608		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
4	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Trĩ Tôn)	CT	CBDT 2021; THDT 2022-2025	2334/QĐ-UBND 12/10/2021	74.890	29.542	45.348	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 516/QĐ-UBND 09/04/2025	74.869	29.521	45.348	29.521	11.000	18.521	6.925	412	6.513	24.392	8.909	15.483	-5.129	-5.129		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Tuyến ĐH.08 (cầu đuc Vĩnh Hanh-ranh Bình Chánh)	CT	2022-2024	2335/QĐ-UBND 12/10/2021	13.419	6.073	7.346	587/QĐ-SXD 01/8/2022	13.405	6.059	7.346	4.552	1.472	3.080	4.499	1.419	3.080	4.552	1.472	3.080				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
6	Làng nhựa tuyến GTNT đoạn từ cầu chợ cũ đến cầu Vàm Nhà	CT	2021-2022	2240/QĐ-UBND 14/05/2021	6.703	1.703	5.000	316/QĐ-UBND 26/10/2021	6.702	6.702		6.088	5.088	1.000	6.088	5.088	1.000	6.088	5.088	1.000				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Năng cấp tuyến Cầu Chùa - Cái Nhà	HBT	2022-2023	116B/QĐ-UBND 24/6/2022	14.994	14.994		135A/QĐ-UBND 15/7/2022	14.259	14.259		13.163	4.172	8.991	13.111	4.172	8.939	13.163	4.172	8.991				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Năng cấp tuyến Hòa Bình Thanh - Vĩnh Lợi (từ cầu Chín Tù đến UBND xã Vĩnh Lợi)	HBT	2022-2023	123A/QĐ-UBND 30/6/2022	4.544	4.544		136B/QĐ-UBND 15/7/2022	4.212	4.212		3.625		3.625	3.602		3.602	3.625		3.625				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
9	Năng cấp tuyến Cái Nhà - cầu treo kênh Dưng 2 (giáp Vĩnh Lợi)	HBT	2022-2023	115A/QĐ-UBND 24/6/2022	3.721	3.721		133A/QĐ-UBND 15/7/2022	3.456	3.456		2.861		2.861	2.861		2.861	2.861		2.861				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
10	Cầu Song sắt	HBT	2022-2023	117A/QĐ-UBND 24/6/2022	2.860	2.860		134B/QĐ-UBND 15/7/2022	2.583	2.583		2.383		2.383	2.363		2.363	2.383		2.383				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
11	Cầu số 10 nối tỉnh lộ 941 huyện Châu Thành với đường Nam kênh 10 huyện Châu Phú		2021-2023	181/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	37.421	734	36.687	358/QĐ-UBND ngày 24/03/2023	37.421	734	36.687	696		696	696		696	696		696				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Phú	
12	Sửa chữa tuyến đường giao thông nông thôn (tuyến kênh Thanh niên)	VB	2025	26/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	7.171	7.171		42A/QĐ-UBND 24/2/2025	7.171	7.171		7.171	7.171					7.171	7.171					1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
13	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ Đình Sơn Trung đến giáp Châu Phú	VA	2025	28/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	2.724	2.724		44A/QĐ-UBND 24/2/2025	2.724	2.724		2.724	2.724					2.724	2.724					1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
14	Năng cấp, cải tạo tuyến đường Mường Nhà Thi (đường chính qua xã Bình Thanh)	BH	2025	29/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	2.994	2.994		45A/QĐ-UBND 24/2/2025	2.994	2.994		2.994	2.994					2.994	2.994					1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
15	Năng cấp, mở rộng tuyến đường Mường Lộ Chín Quán	AH	2025	30/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	2.837	2.837		47A/QĐ-UBND 25/2/2025	2.837	2.837		2.837	2.837					2.837	2.837					1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
16	Năng cấp, sửa chữa tuyến đường ĐH06 (đoạn từ cầu Tân Thành 2 đến cầu Ba Dấu)	VT	2025	20/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.578	1.578		46A/QĐ-UBND 25/2/2025	1.578	1.578		1.578	1.578					1.578	1.578					1	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	
17	Năng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.08, xây dựng cầu Đúc kênh Cù và cầu sắt Ranh Lăng (Vĩnh Nhuận - Vĩnh Hanh)	VH-VN	2025-2026	18/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	49.269	49.269		55A/QĐ-UBND 25/2/2025	49.234	49.234		28.384	28.384					28.384	28.384					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	Vốn tính bổ sung có mục tiêu năm 2024



Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Lấy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số (NSH)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác			Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		ĐTTT	SDD		giảm (-)	tăng (+)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
18	Xây dựng mới cầu Vĩnh Nhuận - Tân Phú (thuộc tuyến đường huyện DT106)	VN	2025-2026	19/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	20.581	20.581		56A/QĐ-UBND 25/2/2025	20.463	20.463		20.153	20.153					10.994	10.994		-9.159	-9.159		1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	Vốn tính bổ sung có mục tiêu năm 2024: 10.994 triệu đồng
19	Xây dựng các ô trồng, phân, cây dõ và một số giống cây	CT	2025	31/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	4.994	4.994		57A/QĐ-UBND 26/2/2025	4.994	4.994		4.994	4.994					4.994	4.994					1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Vốn tính bổ sung có mục tiêu năm 2024
V.3	THƯƠNG MẠI								4.670	4.670		1.200	1.200		1.200	1.200		1.200	1.200					1		
	1. Dự án chuyển tiếp 2021-2025								4.670	4.670		1.200	1.200		1.200	1.200		1.200	1.200					1		
1	Cum dân cư Hoà Bình Thạnh (Hạng mục: nhà lồng chợ, hệ thống PCCC và chống sét, hạ tầng kỹ thuật)	HBT	2020-2021					236/QĐ-UBND 07/5/2020	4.670	4.670		1.200	1.200		1.200	1.200		1.200	1.200					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
VI	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI				42.634	35.242	7.392		37.103	29.762	7.341	22.842	12.621	10.221	17.599	8.064	9.535	22.842	12.621	10.221				13		
	1. Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																									
	2. Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				42.634	35.242	7.392		37.103	29.762	7.341	22.842	12.621	10.221	17.599	8.064	9.535	22.842	12.621	10.221				13		
	a. Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				42.634	35.242	7.392		37.103	29.762	7.341	22.842	12.621	10.221	17.599	8.064	9.535	22.842	12.621	10.221				13		
	Dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				42.634	35.242	7.392		37.103	29.762	7.341	22.842	12.621	10.221	17.599	8.064	9.535	22.842	12.621	10.221				13		
1	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Bình	CT	2021-2023	1692/QĐ-UBND 22/7/2021	9.750	2.358	7.392	477/QĐ-SXD ngày 15/11/2021	9.684	2.343	7.341	1.779		1.779	1.647		1.647	1.779		1.779				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Cải tạo trụ sở Công an xã Hoà Bình Thạnh	HBT	2022-2023	353/QĐ-UBND 01/12/2021	1.200	1.200		46/QĐ-UBND 21/3/2022	1.166	1.166		1.075		1.075	1.068		1.068	1.075		1.075				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Cải tạo sửa chữa Văn phòng ấp Đồng Phú 1	VT	2022-2023	355/QĐ-UBND 01/12/2021	890	890		39/QĐ-UBND 04/3/2022	822	822		759		759	753		753	759		759				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
4	Cải tạo trụ sở Công an thị trấn Vĩnh Bình	VB	2022-2023	354/QĐ-UBND 01/12/2021	1.245	1.245		40/QĐ-UBND 15/3/2022	1.227	1.227		1.140		1.140	1.127		1.127	1.140		1.140				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Hệ thống điện mặt trời Huyện ủy	AC	2023-2024	44A/QĐ-UBND 04/04/2023	1.197	1.197		105/QĐ-UBND 17/5/2023	1.197	1.197		1.100	970	130	1.100	970	130	1.100	970	130				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
6	Nhà ở công vụ và kho lưu trữ UBND huyện	AC	2023-2024	42/QĐ-UBND 04/04/2023	10.181	10.181		103/QĐ-UBND 17/5/2023	8.262	8.262		700		700	650		650	700		700				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Cải tạo sân tennis và các hạng mục phụ Huyện ủy Châu Thành	AC	2023-2024	43/QĐ-UBND 04/04/2023	3.369	3.369		105/QĐ-UBND 17/5/2023	1.860	1.860		1.860	1.100	760	1.764	1.004	760	1.860	1.100	760				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Huyện ủy huyện Châu Thành	AC	2023-2024	44/QĐ-UBND 04/04/2023	5.978	5.978		104/QĐ-UBND 17/5/2023	4.061	4.061		5.860	4.358	1.502	5.382	4.358	1.024	5.860	4.358	1.502				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (Theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)				Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến 31/01/2025				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Số dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác	Tổng số (NSH)	ĐTTT	SDD	Tổng số (NSH)	ĐTTT	SDD	Tổng số (NSH)	ĐTTT	SDD	Tổng số	Trong đó:							
						Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác															giảm (-)	tăng (+)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27			
9	San lấp mặt bằng Ban chỉ huy quân sự huyện Châu Thành	BH	2023	95A/QĐ-UBND 06/05/2023	4.373	4.373		259/QĐ-UBND 29/6/2023	4.373	4.373		4.118	1.742	2.376	4.108	1.732	2.376	4.118	1.742	2.376				1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành				
10	Nâng cấp, sửa chữa công viên trước UBND xã Vĩnh Lợi	VL	2025	27/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	999	999		43A/QĐ-UBND 24/2/2025	999	999		999	999					999	999					1	Phòng Kinh tế - Hạ tầng				
11	Nâng cấp, sửa chữa nhà xe, các phòng làm việc của Đảng ủy xã	VT	2025	21/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.131	1.131		49A/QĐ-UBND 25/2/2025	1.131	1.131		1.131	1.131					1.131	1.131					1	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	Vốn tính bổ sung có mục tiêu năm 2024			
12	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi	VL	2025	23/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.188	1.188		51A/QĐ-UBND 25/2/2025	1.188	1.188		1.188	1.188					1.188	1.188					1	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi				
13	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa, trụ sở UBND xã Hoà Bình Thạnh	HBT	2025	17/QĐ-UBND ngày 11/02/2025	1.133	1.133		50A/QĐ-UBND 25/2/2025	1.133	1.133		1.133	1.133					1.133	1.133					1	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành				
C.1	BỔ TRÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC											20.291	1.471	18.820	6.497	867	5.630	20.291	1.471	18.820									
1	Chi phí thẩm tra quyết toán và hoàn thành sau quyết toán											3.025	1.471	1.554	867	867		3.025	1.471	1.554									
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí do đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)											17.266		17.266	5.630		5.630	17.266		17.266									

